

## Nhà nước Văn Lang - Nhà nước siêu làng

Nguyễn Minh Tuấn\*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 1 tháng 7 năm 2007

**Tóm tắt.** Nghiên cứu về những đặc trưng cơ bản của nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Đây là bài viết làm sáng tỏ đặc tính siêu làng dưới góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Nội dung của bài viết tập trung làm rõ 3 vấn đề: *thứ nhất*, làm rõ Nhà nước Văn Lang mang đặc tính của một công xã nông thôn, nó mang dáng dấp của một cái làng lớn, có tính đại diện cao, tính liên kết mạnh nhưng tính giai cấp yếu; *thứ hai*, chỉ ra mối quan hệ hòa đồng, lưỡng hợp giữa làng và nước; *thứ ba*, khẳng định và chứng minh luận điểm "việc hình thành Nhà nước Văn Lang là một quá trình lâu dài".

Đôi với bất kì một quốc gia nào, vấn đề xác định thời điểm, nguyên nhân ra đời, đặc biệt là những đặc trưng cơ bản của nhà nước đầu tiên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi hai lí do *thứ nhất*, kể từ thời điểm đó về phương diện phân kì lịch sử, xã hội bước vào một thời kì mới - thời đại văn minh; *thứ hai*, sự ra đời của bất kì sự vật, hiện tượng nào cũng ảnh hưởng, thậm chí quyết định đến tính chất, đặc trưng của sự vật đó sau này, nhà nước cũng không phải là ngoại lệ, và muốn hiểu được di tồn của nhà nước trong lịch sử đôi với hiện tại, thì việc làm sáng tỏ những đặc điểm ngay từ khi nhà nước ra đời là một việc làm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Một câu hỏi đặt ra cần thiết phải được làm rõ đặc tính nào là đặc tính quan trọng nhất của nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam?

Nhiều tác giả khi nói về nhà nước đầu tiên trong lịch sử đã khẳng định rằng nhà

nước Văn Lang ra đời là do sự liên kết giữa làng này với làng khác để giải quyết hai vấn đề trị thủy và chống ngoại xâm. Nhận định này mặc nhiên lâu nay đã được nhiều nhà khoa học thừa nhận từ những bài viết như *Xã hội thời Hùng Vương*, Khảo cổ học, số 9-10, 1970 và *Cuộc hội thảo về vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam*, Nghiên cứu lịch sử số 5, 1981 của tác giả Phan Huy Lê; *Tìm hiểu làng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990 của Phạm Quang Ngọc; Về tính chất sở hữu ruộng đất công làng xã, Nghiên cứu lịch sử, số 4/1981, tr.22-23 của Phan Đại Doãn cùng nhiều bài viết khác và vấn đề dừng ở đó, dường như không còn gì phải bàn cãi hơn nữa, nhưng suy nghĩ kĩ thì sự luận giải như vậy vẫn chưa thực sự đầy đủ và thuyết phục. Sự liên kết giữa làng này với làng khác thực chất đó chỉ nói đến tính chất "liên làng". Tuy nhiên, nhà nước Văn Lang không dừng lại ở đó, tức không chỉ là một nhà nước liên làng, vì nếu hiểu liên làng, đó chỉ là sự liên kết đơn mang tính tương đương, giữa làng này với làng khác.

\*ĐT: 84-4-8627550.

E-mail: tuan\_nm@vnu.edu.vn

Suy ngẫm kĩ hơn về mặt tổ chức, sẽ còn thấy Nhà nước Văn Lang thực chất là một nhà nước siêu làng, thể hiện cả ở sự liên kết giữa làng và nước, chứ không chỉ là sự liên kết giữa các làng với nhau. Theo tác giả, tính chất siêu làng thể hiện ít nhất ở ba khía cạnh sau:

*Thứ nhất*, về nội dung, nhà nước mang dáng dấp của một cái làng lớn có tính liên kết mạnh, tính đại diện cao và tính giai cấp yếu.

*Thứ hai*, về phạm vi và tính chất liên kết, quan hệ làng nước mang tính hoà đồng, lưỡng hợp, chưa có sự phân định rạch ròi về chức năng, thẩm quyền giữa làng và nước.

*Thứ ba*, về thời gian, nhà nước Văn Lang dần được hình thành qua một quá trình rất lâu dài.

### 1. Nhà nước Văn Lang mang dáng dấp của một cái làng lớn - tính liên kết mạnh, tính đại diện cao nhưng tính giai cấp yếu

Người Việt Nam ngày từ tấm bé đã quá quen thuộc với hai hình ảnh, một là hình ảnh "nước dâng đến đầu núi đồi cao đến đó" (*Sự tích Sơn Tinh - Thủy Tinh*) và hình ảnh "một chú bé mới 3 tuổi đã đứng dậy nhổ tre đánh giặc" (*Sự tích Thánh Gióng*). Hình ảnh ấy dễ nhớ, dễ thuộc, vừa như một niềm tự hào, thể hiện tinh thần tự tôn dân tộc của người Việt về sức mạnh của sự đoàn kết, nhưng cũng là lời nhắc nhở rất sâu sắc đối với mỗi người Việt rằng dân tộc này, đất nước này ngày từ khi ra đời đã phải đương đầu với những khó khăn thường trực như thế.

Đến nay giới khảo cổ học đã chứng minh rằng cách đây khoảng 5000 năm, đồng bằng Sông Hồng đã được hình thành do hiện tượng biển lùi, là nơi rất phù hợp với phát triển kinh tế nông nghiệp. Ở gần các con sông lớn, bên cạnh những ưu đãi luôn kèm theo nó là những thách thức. Để phát triển nông nghiệp, người dân phải tập hợp nhau lại để đắp đê, trị thủy. Một vấn đề thứ hai nữa là khu vực đồng bằng Sông Hồng nằm vào

một vị trí địa lý mang tính chất tiếp xúc của bán đảo Đông Dương và Đông Nam Á. Nó nằm trên đầu mối của những luồng giao thông tự nhiên, thuận lợi cho giao lưu kinh tế, văn hoá, nhưng đồng thời đây cũng là nơi có vị trí dễ dàng bị tiến công từ nhiều phía, do vậy hình thành thách thức thứ hai là *chống giặc ngoại xâm* [1].

Một người rồi một làng cũng không thể tự đắp đê trị thủy hay đánh đuổi giặc ngoại xâm được, công việc ấy đã đòi hỏi phải có *sự liên kết mạnh*, sự hợp sức của nhiều làng.

Lúc ban đầu, trị thủy và chống ngoại xâm là những chức năng xã hội xuất phát từ lợi ích chung và sau đó dần trở thành chức năng của nhà nước đối với xã hội. Như vậy ở một khía cạnh khác, nhà nước ra đời còn để thực hiện *chức năng đại diện* chăm lo các công việc chung của xã hội.

Trị thủy hay chống giặc ngoại xâm thực chất là một nhu cầu cần thiết, có thực của xã hội, do vậy *tính xã hội* là yếu tố khởi thủy đầu tiên thúc đẩy nhanh tiến trình ra đời nhà nước, chứ chưa phải là tính giai cấp.

Về sự phân hoá xã hội, một thực tế cho thấy số lượng nô tỳ trong xã hội lúc này là không nhiều và vai trò trong sản xuất là không đáng kể. Tầng lớp nô tỳ là tầng lớp ở vào địa vị thấp nhất trong xã hội thời Hùng Vương. Nguồn gốc của họ có thể là những thành viên công xã nghèo khổ hay vi phạm tục lệ công xã bị bắt làm nô tỳ, hoặc có thể là người ngoại tộc bị bán làm nô tỳ. Tầng lớp nô tỳ có thể tham gia sản xuất, nhưng chủ yếu là phục dịch trong các gia đình quý tộc. Số lượng nô tỳ trong xã hội không nhiều và vai trò trong sản xuất không đáng kể, thực chất đó là chế độ nô lệ gia đình ở Phương Đông mà F.Engen đã nhận xét: "*nó không trực tiếp là cơ sở của sản xuất, mà gián tiếp với tính cách là một nhân tố của gia đình*" [2]. Lực lượng đông đảo nhất trong xã hội lúc này là nông dân công xã, nhưng đây chưa phải là nông nô của

xã hội phong kiến. Số lượng chiếm đông đảo nhất trong xã hội lúc bấy giờ là tầng lớp dân tự do. Dân tự do được công xã chia ruộng đất cho cày cấy, nhưng lại bị lạc hầu bắt cống nạp. Có thể thấy những đặc điểm của loại hình công xã Á châu vẫn bảo đảm cho công xã quyền tự trị rộng lớn và bảo đảm cho các thành viên công xã một cuộc sống tương đối ổn định, hạn chế xu hướng nô lệ hoá và nông nô hoá [3]. Một điều có thể khẳng định rằng hình thức bóc lột cống nạp hay lao dịch dù có chứa đựng mầm mống của chế độ nô dịch, nhưng không thể coi những thành viên của Công xã nông thôn (CXNT) là nông nô. Hơn nữa, về mặt sở hữu, toàn bộ ruộng đất cày cấy cùng với rừng núi, sông ngòi, ao đầm trong phạm vi công xã đều thuộc quyền sở hữu của công xã. ở đây không có sở hữu tư nhân mà chỉ có việc chiếm dụng của cá nhân riêng lẻ, kẻ sở hữu thực tế, do đó sở hữu chỉ tồn tại với tư cách là sở hữu chung về ruộng đất.

Về mặt tổ chức nhà nước, Nhà nước Văn Lang được tổ chức theo hình thức chính thể quân chủ, thể hiện ở chỗ người đứng đầu nhà nước được hình thành bằng phương thức truyền ngôi thế tập (cha truyền con nối). Hùng Vương mang hình ảnh là người tù trưởng, người thủ lĩnh liên minh bộ lạc. Trong danh hiệu Hùng Vương, yếu tố Vương (Chữ Hán, có nghĩa là vua) rõ ràng là do những nhà chép sử về sau này thêm vào với suy nghĩ rằng người đứng đầu một nước phải là Vương hoặc Đế, nhưng thực tế thì không phải như vậy. Yếu tố Hùng là từ Hán dùng phiên âm một từ Việt cổ có nghĩa là từ Khunzt dùng để chỉ người đứng đầu gia tộc, người tù trưởng, người thủ lĩnh hay một lĩnh vực nào đó của đời sống xã hội [4]. Nước Văn Lang chia làm 15 bộ, đứng đầu mỗi bộ là Lạc tướng, đây cũng là chức thế tập cha truyền con nối. Bộ thực chất là bộ lạc, Lạc tướng vốn là tù trưởng bộ lạc rồi chuyển hoá thành người đứng đầu một "vùng - bộ lạc" của

nước Văn Lang dưới quyền Hùng Vương. Dưới bộ là các CXNT (kẻ, chạ, chiềng). Kết hợp quan hệ xóm làng với quan hệ họ hàng, quan hệ láng giềng với quan hệ huyết thống. Trong tiếng Việt, những CXNT đó sau này được gọi là làng, xã, nhưng trước đó còn có những tên gọi cổ hơn như kẻ, chạ, chiềng. Mỗi CXNT gồm một số gia đình sống quây quần trong một khu vực địa lý nhất định. Thời bấy giờ ruộng đất tư hữu chưa xuất hiện. Đứng đầu công xã là bồ chính (Po-to-ring) mà thực chất là các già làng. Bồ chính là từ Hán phiên từ Việt cổ mà âm và nghĩa còn tìm thấy trong từ Pó Chiềng của dân tộc Tày-Thái ở phía Bắc, hay từ Po-to-ring của dân tộc Tây Nguyên có nghĩa là người già làng.

Ruộng đất lúc này vẫn là do công xã nắm giữ [5], tác giả cho rằng đây là yếu tố quyết định lí giải vì sao tính giai cấp của Nhà nước Văn Lang là yếu [6] cho nên có thể thấy lúc này chính quyền trung ương yếu, và làng xã mạnh, khác căn bản với thời kì từ thế kỉ X trở đi (đặc biệt là thời Lí, Trần, Hồ, Hậu Lê, Nguyễn) lúc đó chính quyền trung ương mạnh và làng xã yếu.

## 2. Sự liên kết làng nước mang tính chất hoà đồng, lưỡng hợp

Theo Việt Sử Lược, bộ sách lịch sử lâu đời nhất do người Việt viết còn lưu truyền được đến ngày nay đã nêu rõ: "Đến đời Trang Vương nhà Chu (696 - 682 TCN) ở bộ Gia Ninh có người lạ, dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, hiệu là nước Văn Lang, phong tục thuần hậu, chất phác, chính sự dùng lối kết nút. Truyền được 18 đời, đều gọi là Hùng Vương" [7]. Như vậy, về mặt trình độ tổ chức, nhà nước Văn Lang đã thể hiện rõ nét tính chất tổ chức cao hơn cách tổ chức trong xã hội cộng sản nguyên thủy.

Thời kì này, mỗi công xã nông thôn (làng) đều là những đơn vị kinh tế khá hoàn chỉnh, có tổ chức riêng, có tập quán riêng. Nước và

làng thời kì này chưa có sự phân định rạch ròi, thực chất đây là quan hệ có tính chất *hoà đồng, lương hợp*. Trong môi quan hệ với chính quyền trung ương, thời kì này "làng" đang còn rất mạnh, và chưa chịu phụ thuộc nhiều với chính quyền trung ương. Hay nói cách khác đây là thời kì làng "mạnh", nước "yếu", khác cơ bản với nhà nước quân chủ trung ương tập quyền sau này. Hơn nữa, làng và nước thời kì này có quan hệ rất gần gũi, mặc dù nhà nước thời kì này được tổ chức theo hình thức quân chủ nhưng tính tập quyền vẫn chưa cao, làng vẫn giữ vị trí quan trọng cả về kinh tế lẫn chính trị.

Chức năng cơ bản của nhà nước lúc này là tổ chức các công trình trị thủy và chống ngoại xâm, do vậy bộ máy nhà nước lúc này cũng chưa cần phải lớn, sự chuyên môn hoá chưa cao nên cũng chưa cần nhiều những cơ quan chuyên trách. Nhưng để thực hiện tốt hai công việc đó khả năng liên kết giữa các làng của nhà nước lúc này cần phải mạnh, quan trọng nhất trong việc quản lí đất nước lúc này đó là uy tín, khả năng thu phục nhân tâm, khả năng tạo ra sự đoàn kết giữa các làng của người thủ lĩnh. Lúc này *công việc của làng cũng là công việc của nước và công việc của nước cũng là công việc của làng*, chưa thực sự có sự phân định rạch ròi công việc giữa làng và nước, phân định trách nhiệm và cơ chế xử lí khi có vi phạm.

Một mặt hai chữ "hoà đồng" có điểm tích cực là đề cao tính cộng đồng, tinh thần đoàn kết, giữ gìn quan hệ tình cảm. Đây là yếu tố rất tích cực, là cơ sở để người Việt sau này, trải qua hơn 1000 năm chịu đô hộ của phong kiến Phương Bắc nhưng người Việt vẫn giữ gìn được bản sắc riêng của mình, không bị đồng hoá. Nhưng một mặt khác, hai chữ "hoà đồng" cũng cho thấy một cái gì đó ngay từ đầu đã thiếu rõ ràng về trách nhiệm giữa cấp trên - cấp dưới, giữa chính quyền trung ương và địa phương. Và điều này theo chúng

tôi nó không chỉ là đặc tính của nhà nước Văn Lang, mà ít nhiều còn di tồn, còn ảnh hưởng đến thời kì sau này, nếu không nói là cả hiện tại.

### 3. Nhà nước Văn Lang - một quá trình hình thành lâu dài

Theo tinh thần học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước đã chỉ ra rằng *nhà nước ra đời khi tư hữu xuất hiện và có sự phân hoá xã hội thành các giai cấp đối kháng*. Tuy nhiên học thuyết Mác-Lênin cũng khẳng định bên cạnh cái phổ biến cũng có những điểm đặc thù, tức là còn có những phương thức hình thành nhà nước khác nhau, vì trong cuốn Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và nhà nước, Ăngghen còn đưa ra nhiều phương thức hình thành nhà nước khác nhau như Nhà nước Aten, Nhà nước Giéc manh, nhà nước Rôma. Như vậy tính khách quan, khoa học của học thuyết Mác-Lênin chính là ở chỗ học thuyết này mặc dù nhấn mạnh hai nguyên nhân kinh tế và nguyên nhân xã hội nhưng cũng không tuyệt đối hoá nó và cho rằng đó là nguyên nhân duy nhất. Nhà nước Văn Lang thực chất cũng là một nhà nước ra đời đặc thù như thế.

Về vấn đề thời điểm ra đời nhà nước, hiện nay chúng ta chưa có căn cứ rõ ràng và đầy đủ để khẳng định thực sự có 4000 năm lịch sử, giới sử học cho đến nay qua khảo sát rất nhiều ngôi mộ cổ mới có thể tìm thấy ngôi mộ cổ Việt Khê (Hải Phòng) với niên đại vào khoảng +\_ 700 năm TCN (cuối thời kì văn hoá Đông Sơn), tức là cách ngày nay khoảng +\_ 2700 năm, và đưa ra quan điểm lúc này tư hữu mới xuất hiện [8]. Về vấn đề này, tôi cho rằng *việc hình thành nhà nước đầu tiên ở Việt Nam là một quá trình, thậm chí một quá trình rất lâu dài*, do vậy sẽ là không khách quan nếu khẳng định có một cái mốc cụ thể rằng Nhà nước Văn Lang ra đời vào năm này, hay năm kia, điều này là không có cơ sở

khoa học đáng tin cậy. Hiến pháp Việt Nam năm 1980 đã từng khẳng định rằng nước ta có "bốn nghìn năm lịch sử", nhưng không lâu sau Quốc hội đã phải sửa lại thành "trai qua mấy nghìn năm lịch sử" ở lời nói đầu Hiến pháp 1992 [9]. Nhưng càng suy nghĩ càng thấy, nhiều vấn đề tương như không cần phải bàn cãi nữa, nhưng ẩn sau những câu chữ ấy, từ "mấy" vẫn vẹn nguyên là một từ để hỏi, là một món nợ chưa trả được của hậu thế đối với lịch sử dân tộc.

Vì là một quá trình nên đương nhiên khi sử dụng khái niệm Nhà nước Văn Lang thì cũng cần phải hiểu rằng không phải ngay từ đầu những đặc trưng cơ bản của nhà nước đã hiện diện đầy đủ. Bởi lẽ nhà nước nếu theo như đúng lý thuyết của lý luận chung nhà nước và pháp luật phải thể hiện đầy đủ cả 5 đặc trưng cơ bản đó là: có bộ máy; có dân cư, lãnh thổ; có chủ quyền quốc gia; có pháp luật; và có thu thuế. Nhưng qua phân tích ở trên cho thấy cả 5 đặc trưng trên của nhà nước thời kì này còn rất mờ nhạt và chưa thực sự rõ ràng. Nhưng nhìn rộng ra thế giới, không riêng gì ở Việt Nam, nhiều nhà nước Phương Đông thời cổ đại khác ra đời sớm hơn như Ai Cập, Luông Hà, Trung Quốc, Ấn Độ cũng không phải ngay từ đầu đã đầy đủ cả 5 đặc trưng trên, và cũng phải sau một thời gian rất dài kể từ khi nhà nước ra đời, nhiều nhà nước mới trình diện trước thế giới các bộ luật, hay đạo luật thành văn.

Hiện nay có nhiều công trình khoa học lịch sử, khảo cổ học... cũng đã và đang đi tìm kiếm những luận cứ để khẳng định rằng ở thời kì Hùng Vương đã có chữ viết, đã có luật thành văn. Nhưng chúng tôi quan niệm rằng, việc chứng minh ấy có lẽ cũng không quá quan trọng vì ở phương diện giá trị nội dung, Luật thành văn thời kì Hùng Vương nếu có đi nữa chắc chắn nó cũng còn ở một trình độ chưa cao. Nhưng dù có hay chưa, chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định chắc

chắn rằng điều chỉnh hành vi con người và các quan hệ xã hội thời kì này vẫn là các *phong tục tập quán, qui phạm đạo đức* được hình thành từ các công xã nông thôn - các đơn vị cấu thành cơ bản nhất của nhà nước này.

Tóm lại, nhà nước thời kì này chỉ được coi là nhà nước sơ khai hay *một nhà nước trong trạng thái đang hình thành*, một tổ chức cao hơn làng, được xây dựng trên cơ sở liên kết các làng, kết cấu ở một trình độ cao hơn, tính tổ chức cao hơn xã hội nguyên thủy, thực hiện các chức năng cơ bản của một nhà nước.

Từ những phân tích ở trên, tác giả có thể bước đầu đưa ra những luận điểm sau:

+ Việc hình thành Nhà nước Văn Lang là một quá trình rất lâu dài, nhà nước chỉ ra đời khi có cả những điều kiện cần và đủ, cả những yếu tố khách quan và chủ quan. Muốn nghiên cứu toàn diện về quá trình hình thành nhà nước không nên tuyệt đối hóa bất kì một nguyên nhân nào.

+ Quan hệ giữa làng và nước trong Nhà nước Văn Lang là quan hệ hoà đồng - mang tính lưỡng hợp. Công việc của làng cũng là công việc của nước và ngược lại. Kinh tế của làng vẫn mang tính độc lập tương đối so với kinh tế nhà nước, chưa có sự phân chia rạch ròi giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương;

+ Nhà nước có tính liên kết mạnh, tính đại diện cao và tính giai cấp yếu.

+ Nhà nước Văn Lang ra đời tương đối sớm so với điều kiện chín muồi của sự phân hoá giai cấp.

+ Yêu cầu trị thủy và chống ngoại xâm không những thúc đẩy nhanh quá trình hình thành nhà nước mà còn qui định chức năng của nhà nước, là cơ sở cho sự tồn tại của nhà nước.

+ Trị thủy, chống ngoại xâm là nhu cầu phát sinh từ xã hội, là yếu tố quan trọng dẫn đến sự ra đời nhà nước lúc đầu, lúc này chưa phải tính giai cấp. Điều này có lẽ hơi khác với cách mà lâu nay về mặt lý luận chung nhà nước và pháp luật nhiều khi chúng ta vẫn đặt

tính giai cấp là phương diện "số 1" và tính xã hội là phương diện "số 2" để xem xét về nhà nước. Từ phương diện thực tiễn lịch sử, không chỉ ở Việt Nam mà còn nhiều nước khác trên thế giới, về phạm vi không phải chỉ trong quá khứ mà cả hiện tại, tính xã hội vẫn tỏ ra trội vượt hơn so với tính giai cấp. Có lẽ đã đến lúc tính xã hội phải được đặt đúng vị trí của nó ở cả góc độ lý luận về nhà nước.

+ Nhà nước hiện tại được thoát thai từ lịch sử, nhà nước hiện tại vẫn được cấu thành từ những đơn vị hành chính tự nhiên nhỏ nhất là các làng, và vẫn ít nhiều mang dáng dấp của một cái làng lớn. Đây là di tồn có từ lịch sử góp phần lí giải vì sao người dân nhiều nơi chưa có thói quen sử dụng pháp luật, chưa có thói quen tiếp cận toà án, có tâm lí ngại kiện tụng; do hạn chế của lịch sử nên sự phân định trách nhiệm cấp trên và cấp dưới; giữa các bộ, ngành nơi này nơi khác vẫn chưa thực sự rõ ràng, tính cục bộ địa phương, cục bộ ngành, cục bộ nhóm còn khá rõ nét ...

Từ bài học lịch sử về Nhà nước Văn Lang cũng đặt ra nhiều vấn đề cho hiện tại nhất là trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay: như về nhà nước, cần phát huy sức mạnh nhân dân, phát huy tinh thần đồng thuận xã hội trong cả tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; về pháp luật, bên cạnh đấu tư xây dựng văn bản pháp luật, cần phải chú trọng tương xứng, thậm chí nhiều hơn đến công tác nâng cao nhận thức, hiểu biết về pháp luật của người dân; nâng cao tinh thần trách nhiệm trước cộng đồng, trước nhân dân; khuyến khích khả năng quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ, công chức...

Nghiên cứu xưa mà ngẫm đến nay, khép lại vài trang giấy, với những nét chấm phá có phần còn sơ sài, chưa đầy đủ về Nhà nước Văn Lang, trong đầu tôi vẫn ẩn hiện bóng dáng của một "cái làng" *tuy xa mà gần, tuy vô hình mà hiện hữu* - làng từ nhà ra phố, từ nông

thôn đến thành thị, từ trường học đến mỗi công xưởng, làng trong từng nghĩ suy đến hành động của con người... và hơn hết thấy vẫn là ước vọng về một ngày không xa lăm ánh sáng pháp quyền sẽ rọi soi đến từng thôn cùng xóm vắng, để người dân được hưởng ngày càng nhiều hơn những quyền tự do, dân chủ, để nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân không còn là khẩu hiệu, là mục tiêu nữa mà thật sự hiện hữu, gần gũi như cơm ăn, nước uống hàng ngày của mọi người dân, mọi gia đình và toàn xã hội.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Hà Văn Tấn, *Buổi đầu giữ nước - Thời Hùng Vương, Lịch sử quân sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
- [2] C.Mác-F.Engen-V.I.Lênin, *Bàn về các xã hội tiền tư bản*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975.
- [3] Phan Đại Doãn, Về tính chất sở hữu ruộng đất công làng xã, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (1981) 22.
- [4] Trần Quốc Vương, *Về danh hiệu Hùng Vương, trong Hùng Vương dựng nước*, tập III. tr.353.
- [5] Hà Văn Tấn, *Kinh tế thời Hùng Vương, Khảo cổ học* (1971) 63.
- [6] Nguyễn Minh Tuấn, Nhà nước Văn Lang-nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam (kì 1 và kì 2), *Tạp chí dân chủ và pháp luật* (Bộ Tư Pháp), 140 (2003) 44; 141 (2003) 44.
- [7] Khuyết danh (Trần Quốc Vương phiên dịch và chú giải), *Việt Sử Lược*, NXB Thuận Hoá, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005.
- [8] Diệp Đình Hoa, *Nghiên cứu đồ đồng thau Việt Khê (Hải Phòng) qua phương pháp phân tích quang phổ* (viết chung), trong cuốn *Những phát hiện mới về khảo cổ học*, Hà Nội, 1981.
- [9] *Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến năm 2001*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
- [10] Phan Hữu Dật, *Về sự hình thành tầng lớp quý tộc-thị tộc trong xã hội Hùng Vương*, Hùng Vương dựng nước, NXB Khoa học Xã hội, 1970.
- [11] Vu Minh Giang, *The Hung Vuong Era of Vietnam, Kí yếu hội thảo quốc tế - The study of Thao Houng or Thao Cheuang*, Bangkok, 1998.

## Van Lang - A super village state

Nguyen Minh Tuan

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,  
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

It is really meaningful in both theoretical and practical aspects to research the characteristic of the first State in Vietnam history. This is the first paper making clear the "super village" characteristic of Van Lang State under the aspect of theory and history of State and Law. The content of this paper is divided into 3 parts: *Firstly*, making clear Van Lang State is only a big village; *Secondly*, the relationship between Village and State is so close, there's even no big differences between them; *Thirdly*, the formation of State is a long process.